

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước Trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực

hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2025;

UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để tập trung phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân. Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; quan tâm chăm sóc sức khỏe người dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số (DTTS) gắn với xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác dân tộc. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng, củng cố thể trận lòng dân và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào các DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/năm trở lên; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 2.900 đến 3.000 USD/người/năm.

Tỷ lệ xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: đối với xã là 50,5%; đối với thôn của các xã khu vực II, khu vực I là 50%.

Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.

Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác đạt 99,6%; xóa tình trạng nhà tạm, nhà dột nát.

100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 80%.

Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn đạt 60%; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Có trên 300 trường học đạt chuẩn quốc gia; chuyển đổi 100% trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở thành trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông. Phấn đấu 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố; bảo đảm 100% chỗ ở cho học sinh dân tộc nội trú và 50% chỗ ở cho học sinh bán trú; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; phấn đấu 95% số xã đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ học

sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trên 99,9%, học sinh tiểu học đến trường đạt trên 99,9%, học sinh trung học cơ sở đến trường đạt trên 99,9%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt trên 98%.

100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 15%.

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS đạt 65%.

Giải quyết cơ bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho các hộ thiếu đất, hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư; ngăn chặn hiệu quả tình trạng suy thoái môi trường; rác thải sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Xây dựng hệ thống thông tin về công tác dân tộc và các ứng dụng hỗ trợ đồng bào DTTS, triển khai xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi thực hiện Chương trình**

Áp dụng đối với các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh, trong đó, ưu tiên địa bàn các xã khu vực III đặc biệt khó khăn, xã khu vực II biên giới, thôn bản đặc biệt khó khăn của xã khu vực II, khu vực I; xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi.

### **2. Đối tượng của Chương trình**

Xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

Các đối tượng, phạm vi, địa bàn thụ hưởng cụ thể từng dự án, tiểu dự án, các nội dung thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

### **3. Thời gian thực hiện: từ năm 2021 đến hết năm 2025.**

## **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

a) Mục tiêu: hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt cho hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa có đất ở, chưa có nhà ở hoặc có nhà ở bị dột nát, hư hỏng; sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy

định; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo DTTS thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, hộ nghèo có chủ hộ là nữ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và địa bàn sinh sống.

b) Nội dung: thực hiện hỗ trợ đất ở cho 194 hộ; hỗ trợ nhà ở cho 2.331 hộ; hỗ trợ đất sản xuất cho 179 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho trên 5.000 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho trên 11.000 hộ; đầu tư 24 công trình nước sinh hoạt tập trung.

c) Nguồn vốn: 332.597 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 189.295 triệu đồng (ngân sách Trung ương 175.428 triệu đồng, ngân sách huyện 13.867 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 143.302 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

## **2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

a) Mục tiêu: hộ gia đình vùng đồng bào DTTS và miền núi được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) Nội dung: thực hiện hỗ trợ 09 dự án bố trí ổn định dân cư tại các huyện: Bình Gia (04 dự án); Chi Lăng (02 dự án); Lộc Bình (01 dự án); Tràng Định (02 dự án). Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung; hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình; hỗ trợ cộng đồng bố trí dân xen ghép.

c) Nguồn vốn: 200.764 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư là 199.286 triệu đồng (ngân sách Trung ương 189.797 triệu đồng, ngân sách huyện 9.489 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 1.468 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

## **3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

### **3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

a) Mục tiêu: hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi, có thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán được tạo việc làm, tăng thu nhập từ nghề rừng, hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào

DTTS và miền núi, góp phần duy trì ổn định nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh lên 65% vào năm 2025, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

b) Nội dung: thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với 43.981,3 ha rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; hỗ trợ bảo vệ 100.668,5 ha rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung 830,0 ha; hỗ trợ trồng 6.200 ha rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ; hỗ trợ trồng 200 ha rừng phòng hộ; hỗ trợ 3.920 tấn gạo/năm trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 673.893 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

### **3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi**

a) Mục tiêu:

*Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:* Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng trong tỉnh; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi.

*Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi:* thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào DTTS dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các DTTS.

b) Nội dung:

*Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:* các hộ nghèo, cận nghèo, các doanh nghiệp thuộc địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi được tạo việc làm nâng cao thu nhập; được hỗ trợ tập huấn kiến thức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; được hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp,...

*Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi:* hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS; tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng

bào DTTS và miền núi; tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS và miền núi.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 291.394 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

**3.3. Nguồn vốn để thực hiện Dự án 3:** dự kiến là 965.287 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

**4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**

**4.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi**

a) Mục tiêu: tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông, 80% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99,6% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

b) Nội dung:

*Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn:* đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn; cứng hóa đường đến trung tâm xã; đường liên xã. Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn; xây dựng cầu dân sinh tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước. Thực hiện cứng hóa 193 km đường giao thông nông thôn; xây mới 01 công trình trạm y tế xã, cải tạo sửa chữa 16 trạm y tế xã, hỗ trợ thiết bị y tế.

*Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi:* hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi. Xây mới 02 công trình chợ vùng DTTS và miền núi; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 08 công trình chợ vùng DTTS và miền núi.

c) Nguồn vốn: 1.555.665 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 1.438.732 triệu đồng (ngân sách Trung ương 1.370.219 triệu đồng, ngân sách huyện 68.513 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 116.933 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

## **5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

### **5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi**

a) Mục tiêu: củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

b) Nội dung: nâng cấp, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất 70 phòng công vụ giáo viên; 300 phòng ở học sinh; 108 phòng quản lý cho học sinh; 130 phòng học thông thường và bộ môn; 90 nhà bếp, nhà ăn; 85 nhà kho; 108 nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa; 94 công trình vệ sinh, nước sạch và 141 công trình phụ trợ khác. Mở các lớp xóa mù chữ, cấp phát tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng cho người học; mua sắm trang thiết bị...

c) Nguồn vốn: 381.409 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 334.942 triệu đồng (ngân sách Trung ương 318.993 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.205 triệu đồng, ngân sách huyện 14.744 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 46.467 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

### **5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi**

a) Mục tiêu: nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào DTTS và miền núi. Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) Nội dung:

*Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:* bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 8.000 người, tiếng DTTS trên 1.000 người là cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân

trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc. Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

*Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi:* đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học cho cho 300 đối tượng là người DTTS nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 76.525 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

### **5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và miền núi**

a) Mục tiêu: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

b) Nội dung: hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo; tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 398.991 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

### **5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

a) Mục tiêu: đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình ở các cấp về các kỹ năng phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho Ban giám sát đầu tư cộng đồng, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giám nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ



tăng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người DTTS và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

b) Nội dung: đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan tổ chức chủ trì, liên quan tham gia thực hiện Chương trình để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 69.086 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

**5.5. Nguồn vốn để thực hiện Dự án 5:** 926.011 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 334.942 triệu đồng (ngân sách Trung ương 318.993 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.205 triệu đồng, ngân sách huyện 14.744 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 591.069 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

#### **6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch**

a) Mục tiêu: khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào DTTS và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

b) Nội dung: thực hiện khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, lưu giữ, trưng bày di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS. Bảo tồn các lễ hội truyền thống, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể. Nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một. Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS. Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư. Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS. Tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào DTTS và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS và miền núi. Xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS. Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS. Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn, bản vùng đồng bào DTTS và miền núi. Hỗ trợ, đầu tư 01 dự án tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; 03 dự án bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; 01 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS và

miền núi; 115 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi...

c) Nguồn vốn: 94.403 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 52.388 triệu đồng (ngân sách Trung ương 49.894 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.622 triệu đồng, ngân sách huyện 872 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 42.015 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

### **7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

a) Mục tiêu: cải thiện sức khỏe của người DTTS về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) Nội dung: xây dựng và phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS và miền núi; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS;... đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cho 17 trạm y tế xã (01 trạm xây mới và 16 trạm cải tạo nâng cấp); đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho 01 trung tâm y tế huyện (huyện Bình Gia).

c) Nguồn vốn để thực hiện Dự án 7: 85.631 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 31.484 triệu đồng (ngân sách Trung ương 29.985 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.499 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 54.147 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

### **8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

a) Mục tiêu: nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng DTTS và miền núi.

b) Nội dung:

Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Xây dựng ít nhất 506 tổ truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng. Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em. Tổ chức các hội thi, liên hoan, các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, mua bán phụ nữ và trẻ em. Tuyên truyền, vận động phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa bàn có đông người DTTS.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Phát triển nhân rộng ít nhất 170 mô hình

tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo thu nhập và lồng ghép giới, trong đó có 101 tổ áp dụng phương pháp học tập và hành động giới. Hỗ trợ ít nhất 28 mô hình ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS trong sản xuất và kết nối thị trường cho các sản phẩm nông sản. Cùng cố nâng cao chất lượng ít nhất 55 địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình. Thí điểm xây dựng mới và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị: Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương thông qua các hoạt động đối thoại tại cơ sở (tổ chức ít nhất 2 đợt với 247 cuộc đối thoại). Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế xã hội tại cộng đồng thông qua các mô hình Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” (thành lập ít nhất 101 câu lạc bộ tại các trường trung học cơ sở). Giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào DTTS và miền núi. Nâng cao năng lực cho ít nhất 50 cán bộ nữ DTTS tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng cho trên 11.700 lượt người.

c) Nguồn vốn để thực hiện Dự án 8: dự kiến là 117.926 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

## **9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

### **9.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

a) Mục tiêu: hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Nội dung: thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ DTTS còn nhiều khó khăn; hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào DTTS.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 1.058 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

## **9.2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi**

a) Mục tiêu: chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi vào năm 2025. Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao. Đến năm 2025, phần đầu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) Nội dung: tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng DTTS; duy trì 02 mô hình tại xã Ái Quốc và xã Nhượng Bạt (nay thuộc xã Thống Nhất) huyện Lộc Bình; xây dựng 19 mô hình tại các xã có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao. Nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

c) Nguồn vốn: dự kiến là 21.811 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

**9.3. Nguồn vốn để thực hiện Dự án 9:** dự kiến là 22.869 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

## **10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

**10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030**

a) Mục tiêu

*Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín:* xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS và miền núi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

*Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân.*

*Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và miền núi: bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.*

#### b) Nội dung

*Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín: triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, vận động, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS và miền núi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến. Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến (Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh.*

*Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng DTTS), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ DTTS. Tuyên truyền, truyền thông, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình.*

*Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và miền núi: nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý vùng đồng bào DTTS và miền núi; xây dựng các chương trình trợ giúp pháp lý, tập huấn về tiếp cận, kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS; tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý kết nối*

cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS và miền núi; biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

c) *Nguồn vốn*: dự kiến là 51.581 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

### **10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và miền núi**

a) *Mục tiêu*: hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

b) *Nội dung*: tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo...; thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự (thiết lập mới đài truyền thanh ứng dụng viễn thông - công nghệ thông tin tại UBND các xã, chuyển đổi đài truyền thanh FM sang đài truyền thanh ứng dụng viễn thông - công nghệ thông tin...); hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS và miền núi.

c) *Nguồn vốn*: 54.721 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 43.789 triệu đồng (ngân sách Trung ương 41.704 triệu đồng, ngân sách tỉnh 2.085 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 10.932 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

### **10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình**

a) *Mục tiêu*: thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) *Nội dung*: xây dựng Bộ chỉ số theo dõi thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình; tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình; tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

c) *Nguồn vốn*: dự kiến là 15.260 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

**10.4. Nguồn vốn để thực hiện Dự án 10**: 121.022 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 43.789 triệu đồng (ngân sách Trung ương 41.704 triệu đồng, ngân sách tỉnh 2.085 triệu đồng), vốn sự nghiệp dự kiến là 77.233 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

#### **IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: 4.528.777 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: 2.289.916 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 2.176.020 triệu đồng, ngân sách tỉnh 6.411 triệu đồng, ngân sách huyện 107.485 triệu đồng.

- Nguồn vốn sự nghiệp: dự kiến là 2.238.861 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 2.132.249 triệu đồng; ngân sách tỉnh 15.992 triệu đồng, ngân sách huyện 90.620 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

#### **V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV gắn với thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản liên quan khác của tỉnh về công tác dân tộc; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng DTTS và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên cho các địa bàn còn hạn chế về cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, không để trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch khác.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

4. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội phục vụ đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh; trọng tâm là các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái...

5. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu được duyệt, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban Dân tộc theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS và miền núi.

8. Cơ bản hoàn thành việc quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí các hộ đang cư trú phân tán rải rác trong rừng đặc dụng, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS.

9. Chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai các chương trình cho vay các đối tượng chính sách, đặc biệt là các chính sách vay vốn cho hộ DTTS là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... nhằm góp phần hỗ trợ đồng bào DTTS, phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ở các cấp, các ngành. Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực hiện; làm tốt công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

11. Cấp huyện, cấp xã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa để phát triển; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Dân tộc tỉnh**

Là đầu mối thống nhất theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì tổng hợp nhu cầu của UBND các huyện, thành phố đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và hằng năm đảm bảo thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch này gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, báo cáo UBND tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố xác định quy mô, tổng mức đầu tư từng nhiệm vụ, chương trình, dự án.



Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra.

Hàng năm tiến hành sơ kết, đánh giá các chỉ tiêu trong Kế hoạch, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rà soát, đề xuất, điều chỉnh bổ sung các dự án đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh tổng kết Kế hoạch giai đoạn I vào cuối năm 2025 và trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc thực hiện Kế hoạch giai đoạn II: từ năm 2026 đến hết năm 2030.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; tham mưu xây dựng quyết định của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Tổng hợp phân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, tổng hợp chung Kế hoạch (mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn, hàng năm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ .

Tổng hợp, báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 5 năm, thực hiện nhập Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo thời hạn yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách Trung ương và cân đối, bố trí nguồn vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho Chương trình, đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và nghị quyết của HĐND tỉnh.

## **4. Các sở, ban, ngành**

Các sở, ban, ngành (được phân công nhiệm vụ cụ thể tại Công văn số 1978/UBND-KT ngày 22/11/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến

năm 2025) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra; đề xuất giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu các dự án, tiểu dự án do đơn vị phụ trách. Đồng thời, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất theo quy định.

Các sở, ban, ngành khác có liên quan: xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó xác định rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành mình. Lồng ghép dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

### **5. Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn**

Hướng dẫn, kiểm tra và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chủ đầu tư thực hiện giải ngân vốn theo quy định.

Định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, năm tổng hợp tình hình giải ngân các dự án báo cáo UBND tỉnh theo quy định (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, đồng thời gửi Ban Dân tộc tỉnh).

### **6. Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; đặc biệt là đối với vùng biên giới, vùng an toàn khu, vùng đặc biệt khó khăn.

Xây dựng các chuyên trang chuyên mục tuyên truyền về việc triển khai thực hiện kế hoạch. Kịp thời nêu những gương điển hình người tốt, việc tốt, các mô hình phát triển kinh tế xã hội tiêu biểu trong đồng bào DTTS và những gương điển hình về thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

### **7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, huy động đoàn viên, hội viên, đông đảo quần chúng Nhân dân và các nguồn lực xã hội tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Tổ chức thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội theo quy định.

### **8. UBND các huyện, thành phố**

Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; chủ động hướng dẫn và triển khai thực hiện các chính sách, đề án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi bảo đảm kịp thời, hiệu quả theo quy định.

Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

### **9. Chế độ thông tin báo cáo**

Định kỳ hàng năm các sở, ban, ngành chủ trì thực hiện dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình và UBND các huyện, thành phố thực hiện báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hằng năm (trước ngày 01/12 hàng năm); báo cáo đánh giá thực hiện Chương trình giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 05 năm gửi về Ban Dân tộc đảm bảo thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ nội dung kế hoạch, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban đảng Tỉnh ủy;
- Các ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM;  
Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KT(NTA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lương Trọng Quỳnh**



**BIỂU 1: TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 08 /8/2022 của UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó:								Ghi chú
			Vốn đầu tư phát triển (Chi tiết tại Biểu 2)				Dự kiến vốn sự nghiệp ngân sách trung ương (Chưa phân bổ chi tiết)				
			Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
I	2	3=4+8	4	5	6	7	8			9	
	<b>Tổng vốn Chương trình</b>	<b>4,528,777</b>	<b>2,289,916</b>	<b>2,176,020</b>	<b>6,411</b>	<b>107,485</b>	<b>2,238,861</b>	<b>2,132,249</b>	<b>15,992</b>	<b>90,620</b>	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	<b>332,597</b>	<b>189,295</b>	175,428		13,867	<b>143,302</b>	<b>143,302</b>			
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	<b>200,754</b>	<b>199,286</b>	189,797		9,489	<b>1,468</b>	<b>1,468</b>			
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	<b>965,287</b>	-	-	-		<b>965,287</b>	<b>965,287</b>			
	Tiểu Dự án 1	<b>673,893</b>					<b>673,893</b>	673,893			
	Tiểu Dự án 2	<b>291,394</b>					<b>291,394</b>	291,394			
	Tiểu Dự án 3	-					-				
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	<b>1,555,665</b>	<b>1,438,732</b>	1,370,219		68,513	<b>116,933</b>	<b>116,933</b>			
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	<b>926,011</b>	<b>334,942</b>	318,993	1,205	14,744	<b>591,069</b>	<b>591,069</b>			
	Tiểu Dự án 1	381,409	334,942	318,993	1,205	14,744	46,467	46,467			
	Tiểu Dự án 2	76,525					76,525	76,525			
	Tiểu Dự án 3	398,991					398,991	398,991			
	Tiểu Dự án 4	69,086					69,086	69,086			
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	<b>94,403</b>	<b>52,388</b>	49,894	1,622	872	<b>42,015</b>	<b>42,015</b>			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	<b>85,631</b>	<b>31,484</b>	29,985	1,499		<b>54,147</b>	<b>54,147</b>			
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	<b>117,926</b>	-	-	-		<b>117,926</b>	<b>117,926</b>			
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	<b>22,869</b>	-	-	-		<b>22,869</b>	<b>22,869</b>			
	Tiểu Dự án 1	1,058					1,058	1,058			
	Tiểu Dự án 2	21,811					21,811	21,811			
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	<b>121,022</b>	<b>43,789</b>	41,704	2,085		<b>77,233</b>	<b>77,233</b>			





**Biểu 3: KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH LẠNG SƠN KHỎI CÁC CƠ QUAN TỈNH**

*(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh)*

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

TT	Dự án	Vốn đầu tư			Số, ban, ngành thực hiện	Ghi chú
		Tổng	NSTW	NS tính đối ứng 5%		
1	2	3	4	5	6	7
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	25,311	24,106	1,205		
I	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (dự kiến đầu tư tại 11 trường PT DTNT)</i>	25,311	24,106	1,205	Sở Giáo dục và đào tạo	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	34,053	32,431	1,622		
	<i>Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số gồm 03 dự án: Dự án 1: Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống - thôn Nà Riềng, xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nghề làm ngói âm dương, hệ thống nhà sàn và văn hóa truyền thống của người Tày - Dự án 2: Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống - Làng đá Thạch Khuyển xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc (Khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch di tích lịch sử cách mạng). Dự án 3: Đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống - thôn Lân Châu, xã Hữu Liên (văn hóa dân tộc Dao Lô Gang gắn với du lịch cộng đồng, sinh thái, nghỉ dưỡng)</i>				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
-	<i>Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số gồm 01 dự án: Dự án Tôn tạo Khu di tích khu tích khởi nghĩa Bắc Sơn, hạng mục: Xây dựng nhà bia ghi dấu sự kiện và các hạng mục phụ trợ tại 08 điểm thuộc Khu di tích</i>					
V	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Dự kiến đầu tư Dự án Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Bình Gia)	31,484	29,985	1,499	Sở Y tế	
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	43,789	41,704	2,085		
2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	43,789	41,704	2,085	Sở Thông tin và truyền thông	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>134,637</b>	<b>128,226</b>	<b>6,411</b>		

**Biểu 2a: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN 1:**  
**GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 08 /8/2022 của UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Cộng toàn tỉnh	Bắc Sơn	Bình Gia	Văn Quan	Chi Lăng	Hữu Lũng	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Tràng Định	Văn Lãng
1	Số hộ được hỗ trợ đất ở	194	0	6	0	25	0	20	119	14	10	
2	Số hộ được hỗ trợ nhà ở	2,331	0	225	773	250	617	110	0	76	50	230
3	Số hộ được hỗ trợ đất sản xuất	179	40	89	0			0	0	0	50	
4	Số công trình nước sinh hoạt tập trung	24	2	3	3	2	2	2	3	2	3	2
	<b>Tổng vốn giao</b>	<b>189,295</b>	<b>7,179</b>	<b>21,530</b>	<b>43,097</b>	<b>18,243</b>	<b>33,168</b>	<b>11,916</b>	<b>14,558</b>	<b>10,170</b>	<b>13,154</b>	<b>16,280</b>
	Trong đó:											
	- Vốn ngân sách trung ương giao cho cấp huyện	175,428	6,837	20,060	39,559	16,846	30,403	11,099	13,636	9,513	12,412	15,063
	- Vốn ngân sách huyện đối ứng	13,867	342	1,470	3,538	1,397	2,765	817	922	657	742	1,217



**Biểu 2b: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN 2:****QUY HOẠCH, SẮP****XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2025***(Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 08 /8/2022 của UBND tỉnh)**(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

TT	Nội dung	Cộng toàn tỉnh	Bắc Sơn	Bình Gia	Văn Quan	Chi Lăng	Hữu Lũng	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Tràng Định	Văn Lãng
1	Số dự án ổn định dân cư	9		4		2			1		2	
2	Tổng vốn giao	199,286		27,873		37,953			12,315		121,145	
	Trong đó:											
	- Vốn NSTW giao cho cấp huyện	189,797		26,546		36,146			11,729		115,376	
	- Vốn NS huyện đối ứng	9,489		1,327		1,807			586		5,769	

**Biểu 2c: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN 4:  
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC  
THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 08 /8/2022 của UBND tỉnh)*

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

TT	Nội dung	Cộng toàn tỉnh	Bắc Sơn	Bình Gia	Văn Quan	Chi Lăng	Hữu Lũng	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Tràng Định	Văn lãng
4	Cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã	193	-	29	3.3	12	52.5	15	11.3	37	26.4	6.5
5	Xây mới trạm y tế xã	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Cải tạo sửa chữa trạm y tế xã	16	2	2	1	1	1	2	2	1	2	2
7	Xây mới chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	2	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1
8	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	-	2	2	1	1	-	-	-	2	-
	<b>Tổng vốn giao</b>	<b>1,438,732</b>	<b>122,445</b>	<b>192,734</b>	<b>130,449</b>	<b>112,194</b>	<b>178,275</b>	<b>137,774</b>	<b>155,142</b>	<b>117,784</b>	<b>179,994</b>	<b>111,941</b>
	Trong đó:											
	- Vốn NSTW giao cho cấp huyện	1,370,219	116,614	183,556	124,237	106,851	169,786	131,213	147,754	112,175	171,423	106,610
	- Vốn NS huyện đối ứng	68,513	5,831	9,178	6,212	5,343	8,489	6,561	7,388	5,609	8,571	5,331

**Biểu 2d: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN 5:**  
**PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 08 /8/2022 của UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Cộng toàn tỉnh	Bắc Sơn	Bình Gia	Văn Quan	Chi Lăng	Hữu Lũng	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Tràng Định	Văn Lãng	Các trường PT DTNT
1	Số phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	70	4	11	10	4	5	9	11	3	10	3	-
2	Số phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	300	25	15	31	19	33	42	31	22	30	13	39
3	Số phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	108	10	14	8	9	9	8	7	7	16	9	11
4	Số nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	90	4	11	12	5	10	11	10	7	11	9	-
5	Số nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	85	8	8	8	7	7	7	8	7	7	8	10
6	Số công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	94	8	9	10	6	4	13	10	7	12	11	4
7	Số nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	108	11	11	9	7	8	9	10	8	15	10	10
8	Số phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	130	8	18	10	8	14	10	18	9	15	8	12
9	Số công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	141	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	11
	<b>Tổng vốn giao</b>	<b>334,942</b>	<b>26,303</b>	<b>34,899</b>	<b>33,286</b>	<b>22,637</b>	<b>29,661</b>	<b>35,094</b>	<b>35,639</b>	<b>25,125</b>	<b>38,875</b>	<b>28,112</b>	<b>25,311</b>
	Trong đó:												
	- Vốn NSTW:	318,993	25,050	33,237	31,701	21,559	28,249	33,423	33,942	23,929	37,024	26,773	24,106
	+ NSTW giao cho cấp huyện	294,887	25,050	33,237	31,701	21,559	28,249	33,423	33,942	23,929	37,024	26,773	
	+ NSTW giao Sở GD-ĐT	24,106											24,106
	- Vốn NS tỉnh đối ứng	1,205											1,205
	- Vốn NS huyện đối ứng	14,744	1,253	1,662	1,585	1,078	1,412	1,671	1,697	1,196	1,851	1,339	

**Biểu 2e: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN 6:  
BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC  
DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
(Kèm theo Kế hoạch số 176 /KH-UBND ngày 08 /8/2022 của UBND tỉnh)

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

TT	Nội dung	Tổng cộng	Bắc Sơn	Bình Gia	Văn Quan	Chi Lăng	Hữu Lũng	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Tràng Định	Văn Lãng
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu	1					1					
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	115	10	12	9	10	17	8	20	4	16	9
	<b>Tổng vốn giao</b>	<b>52,388</b>										
	Trong đó:											
	- Vốn NSTW:	<b>49,894</b>										
	+ NSTW giao cho cấp huyện	17,463	1,475	1,768	1,326	1,474	3,021	1,179	2,947	589	2,358	1,326
	+ NSTW giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	32,431										
	- Vốn NS tỉnh đối ứng	<b>1,622</b>										
	- Vốn NS huyện đối ứng	<b>872</b>	74	88	66	74	151	59	147	29	118	66